THÔNG BÁO TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ QUÂN SỰ VÀO CÁC TRƯỜNG TRONG QUÂN ĐỘI NĂM 2025

Học viện Trường sĩ quan	Địa chỉ Website	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025 (phía nam)		Điểm chuẩn năm 2024
			Nam	Nữ	
*** Đào tạo Đại học quân sự**					
- Học viện Kỹ thuật quân sự	http://www.mta.edu.vn	A00, A01	120	06	Nam: 25,46; Nữ: 26,52
- Học viện Quân y	http://www.hocvienquany.vn	A00, B00	58	05	Nam: 24,12-25,75; Nữ: 26,26-27,34
- Học viện Khoa học quân sự	http://www.hvkhqs.edu.vn	D01, D02, D04, A00, A01	47	08	Nam: 24,50-26,67; Nữ: 27,17-27,54
- Học viện Hậu cần	http://www.hocvienhaucan.edu.vn	A00, A01	36	02	Nam: 25,29; Nữ: 26,62
- Học viện Phòng không - Không quân	http://www.hocvienpkkq.com		108		Nam: 22,05
- Học viện Hải quân	http://www.hocvienhaiquan.edu.vn		125		Nam: 20,60
- Học viện Biên phòng	http://www.hvbp.edu.vn	A01; C00	41		Nam: 23,70-27-90
- Trường Sĩ quan Lục quân 2	http://www.daihocnguyenhue.edu.vn	A00, A01	Q.khu 9: 99		Nam: 25,24
- Trường Sĩ quan Chính trị	http://www.daihocchinhtri.edu.vn	A00, C00, D01	345		Nam: 23,20-27,20
- Trường Sĩ quan Công binh	http://www.tsqcb.edu.vn	A00, A01	78		Nam: 22,05
- Trường Sĩ quan Thông tin	http://www.tcu.edu.vn		127		Nam: 23,42
- Trường Sĩ quan Pháo binh	http://www.tsqpb.edu.vn		88		Nam: 22,25
- Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp	http://www.siquantangthietgiap.vn		50		Nam: 22,45
- Trường Sĩ quan Đặc công	http://www.tsqdc.edu.vn		24		Nam: 22,20
- Trường Sĩ quan Phòng hóa	http://www.siquanphonghoa.edu.vn		16		Nam: 21,25
*** Đào tạo cao đẳng quân sự**					
- Trường Sĩ quan Không quân	http://www.tsqkq.edu.vn	A00, A01	30		Nam: 22,85
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật mật mã			15		
- Trường Cao đẳng Kỹ Thuật thông tin	http://www.tcc.edu.vn		15		Nam: 19,65
- Trường Cao đẳng công nghiệp Quốc phòng	http://www.cdcnqp.edu.vn		15		

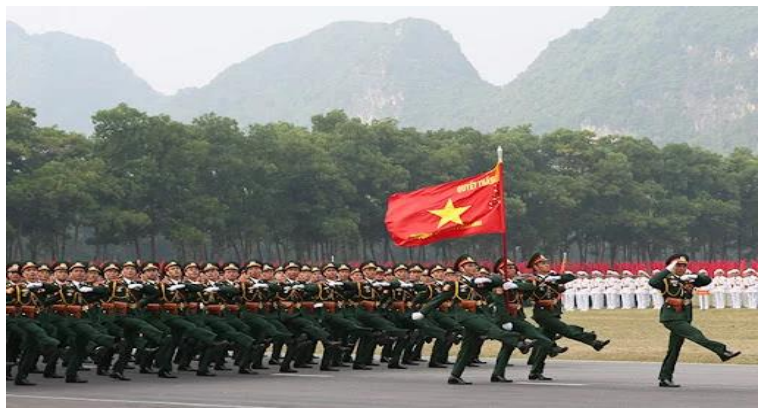

*** Đối tượng gồm:**

1. Hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự, có thời gian phục vụ tại ngũ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 4 năm 2025); quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ trong Quân đội đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 9 năm 2025).

2. Nam thanh niên ngoài Quân đội, kể cả quân nhân đã xuất ngũ và công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (số lượng đăng ký dự tuyển không hạn chế).

3. Nữ thanh niên ngoài Quân đội và nữ quân nhân được đăng ký dự tuyển vào 04 học viện: Hậu cần, Quân y, Kỹ thuật quân sự và Khoa học quân sự.

*** Tiêu chuẩn chính trị:**

- Lý lịch chính trị gia đình và bản thân phải rõ ràng, đủ điều kiện để kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam theo điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Phẩm chất đạo đức tốt, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc đoàn viên Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
- Quân nhân *(đang tại ngũ hoặc đã xuất ngũ)* phải được cấp có thẩm quyền *(thủ trưởng của đơn vị trước khi xuất ngũ)* đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian phục vụ tại ngũ.
- Trên cơ thể không có hình xăm, chữ xăm *(quy định tại khoản 11, Điều 8, Thông tư số 05 ngày 16/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).*

Xét tuyển theo 4 phương thức:

- Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển HSG Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Quốc phòng
- Xét tuyển từ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP HCM
- Xét tuyển từ kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025
- Xét tuyển theo kết quả học bạ bậc trung học phổ thông

Địa điểm đăng ký: Ban chỉ huy quân sự các huyện, thị xã, thành phố

*** Thời gian đăng ký hồ sơ sơ tuyển từ ngày 15/3 đến ngày 20/5/2025 và tổ chức khám sức khỏe vào 2 đợt:**

- Đợt 1: Tuần 3 tháng 4 năm 2025.
- Đợt 2: Tuần 2 tháng 5 năm 2025.

* Sau khi khám sức khỏe đợt 2, nếu còn thí sinh đăng ký tham gia sơ tuyển, các địa phương tiếp tục tổ chức khám sức khỏe cho số thí sinh đăng ký sơ tuyển.

*** Tiêu chuẩn sức khỏe:**

Học viện Trường sĩ quan	Tiêu chuẩn	Đối tượng tuyển sinh	Nơi thường trú 3 năm trở lên		
			Thí sinh thuộc KV2, KV2NT, KV3	Thí sinh thuộc KV1, hải đảo và người dân tộc thiểu số	Thí sinh thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người
Học viện Hậu cần; Phòng không-Không quân; Hải quân, Biên phòng và các trường sĩ quan: Lục quân 2, Chính trị, Pháo binh, Công binh, Tăng-Thiết giáp, Thông tin, Đặc công, Phòng hóa	Thể lực	Thí sinh nam	Cao 1,65m trở lên	Cao 1,60m trở lên	Cao 1,58m trở lên
	Cân nặng		Nặng 50kg trở lên	Nặng 48kg trở lên	Nặng 46kg trở lên
	Thể lực	Thí sinh nữ	Cao 1,54m trở lên	Cao 1,52m trở lên	
	Cân nặng		Nặng 48kg trở lên	Nặng 46kg trở lên	Nặng 44kg trở lên
	Mắt	Thí sinh nam và nữ	Không tuyển thí sinh mắc tật khúc xạ cận thị		
Học viện Kỹ thuật quân sự, Quân y, Khoa học quân sự; Trường Sĩ quan Không quân; Trường Kỹ thuật mật mã; Trường Cao đẳng Kỹ Thuật thông tin; Trường Cao đẳng công nghiệp Quốc phòng	Thể lực	Thí sinh nam	Cao 1,63m trở lên	Cao 1,60m trở lên	Cao 1,58m trở lên
	Cân nặng		Nặng 50kg trở lên	Nặng 48kg trở lên	Nặng 46kg trở lên
	Thể lực	Thí sinh nữ	Cao 1,54m trở lên	Cao 1,52m trở lên	
	Cân nặng		Nặng 48kg trở lên	Nặng 46kg trở lên	Nặng 44kg trở lên
	Mắt	Thí sinh nam và nữ	Mắc tật khúc xạ cận thị không quá 3 đi-ốp.		